

CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo P Mỹ Quý TP Long Xuyên-An Giang

Mẫu số B01-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày: 30 tháng 06 năm 2015

Chưa hợp nhất

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,788,751,391,352	1,865,500,421,772
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14,110,413,658	5,981,177,965
1. Tiền	111	V.1	5,180,613,658	5,981,177,965
2. Các khoản tương đương tiền	112		8,929,800,000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		511,603,126,028	681,472,010,138
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	261,045,911,596	430,760,496,927
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		89,972,780,066	96,151,271,641
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		62,550,005,000	67,821,062,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	120,822,858,104	176,396,377,557
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(22,788,428,738)	(89,670,809,551)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.5	-	13,611,564
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	1,227,144,545,065	1,144,937,348,603
1. Hàng tồn kho	141		1,227,882,431,942	1,146,119,358,625
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(737,886,877)	(1,182,010,022)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35,893,306,601	33,109,335,068
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	3,515,861,302	5,787,508,084
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		32,377,445,299	27,321,826,982
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,496,734,354,501	1,337,761,248,271
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11,819,543,698	7,028,848,533
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	11,819,543,698	7,028,848,533
II. Tài sản cố định	220		352,558,464,429	339,842,622,199
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	144,007,245,437	157,538,070,584
- Nguyên giá	222		409,313,768,099	406,020,454,270
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(265,306,522,662)	(248,482,383,686)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	83,604,743,720	66,153,699,095
- Nguyên giá	225		110,497,374,688	86,357,777,829
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(26,892,630,968)	(20,204,078,734)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	124,946,475,272	116,150,852,520
- Nguyên giá	228		125,970,647,135	117,035,759,775
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,024,171,863)	(884,907,255)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	221,825,174,217	164,723,102,303

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		221,825,174,217	164,723,102,303
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	853,968,649,080	764,055,784,867
1. Đầu tư vào công ty con	251		39,499,104,000	39,499,104,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		613,400,000,000	517,355,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		215,325,000,000	221,023,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(14,255,454,920)	(13,821,319,133)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		56,562,523,077	62,110,890,369
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	56,562,523,077	62,110,890,369
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3,285,485,745,853	3,203,261,670,043
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2,017,935,003,616	1,896,947,316,416
I. Nợ ngắn hạn	310		1,739,862,574,727	1,791,647,007,129
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	299,264,553,842	352,107,800,833
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27,474,531,470	22,954,686,375
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	5,082,988,534	1,206,600,207
4. Phải trả người lao động	314		14,641,256,068	24,001,821,259
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5,652,722,467	7,275,010,906
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	64,264,214,602	31,923,500,608
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	1,322,224,958,164	1,350,935,564,358
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,257,349,580	1,242,022,583
II. Nợ dài hạn	330		278,072,428,889	105,300,309,287
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	278,072,428,889	105,300,309,287
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,267,550,742,237	1,306,314,353,627
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1,267,550,742,237	1,306,314,353,627
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		660,000,000,000	660,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660,000,000,000	660,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		611,965,459,100	611,965,459,100
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(27,417,629,848)	(27,417,629,848)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	23,002,912,985	61,766,524,375
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2,721,799,375	61,766,524,375
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20,281,113,610	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3,285,485,745,853	3,203,261,670,043

Long Xuyên, ngày tháng năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Duy Nhật

Huỳnh Thị Kim Thoa

Trần Minh Cảnh

CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo P Mỹ Quý TP Long Xuyên-An Giang

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chưa hợp nhất

Quý 02/2015

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	7	8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	565,504,530,294	584,686,672,348	1,109,197,193,990	1,203,756,700,662
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	7,237,446,106	1,777,486,189	9,304,132,332	3,579,602,869
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		558,267,084,188	582,909,186,159	1,099,893,061,658	1,200,177,097,793
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	481,971,965,476	487,189,104,242	962,764,597,204	1,038,331,919,855
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		76,295,118,712	95,720,081,917	137,128,464,454	161,845,177,938
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	13,675,743,214	4,693,947,374	21,636,493,285	17,890,084,728
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	34,156,349,525	24,516,706,524	53,544,090,358	40,171,303,894
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		21,081,643,638	16,109,897,861	36,072,582,747	31,552,427,538
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8a	38,207,489,305	35,729,601,972	59,963,050,906	68,668,022,166
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8b	14,793,841,501	31,605,946,172	27,928,028,550	42,353,842,190
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		2,813,181,595	8,561,774,623	17,329,787,925	28,542,094,416
11. Thu nhập khác	31	VI.6	6,203,616,203	2,481,943,966	7,289,861,850	3,180,216,302
12. Chi phí khác	32	VI.7	924,192,535	518,153,320	1,388,499,018	751,824,947
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5,279,423,668	1,963,790,646	5,901,362,832	2,428,391,355
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8,092,605,263	10,525,565,269	23,231,150,757	30,970,485,771
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,846,259,856		2,950,037,147	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		6,246,345,407	10,525,565,269	20,281,113,610	30,970,485,771
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu

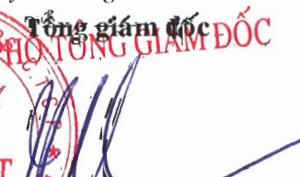

Huỳnh Thị Kim Thoa

Kế toán trưởng


Trần Minh Cảnh

Ngày tháng năm 2015

Tổng giám đốc


CÔNG TY
CP
NAM VIỆT
TP. LONG XUYỀN - T. AN GIANG
Nguyễn Duy Nhật

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Áp dụng theo phương pháp trực tiếp)
Quý 02/2015
(Chưa hợp nhất)

Đvt : VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm này	Năm trước
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,224,218,288,057	673,610,865,094
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(957,412,486,570)	(495,183,007,980)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(81,217,716,182)	(36,073,062,600)
4 Tiền lãi vay đã trả	04		(28,756,462,871)	(16,825,669,822)
5 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		976,258,639,228	421,148,623,403
6 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(811,192,309,919)	(350,990,637,765)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		321,897,951,743	195,687,110,330
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20,000,000)	(30,230,000,000)
2 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6,238,560,000	
3 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(43,038,000,000)	(69,103,000,000)
4 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5,697,120,000	18,837,423,426
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,302,000,000	1,720,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(28,820,320,000)	(78,775,576,574)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ đi vay	33		1,701,503,731,477	948,626,168,647
2 Tiền trả nợ gốc vay	34		(1,951,348,712,103)	(1,031,345,899,293)
3 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(10,380,915,234)	(3,192,038,544)
4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24,230,529,325)	(23,032,059,300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(284,456,425,185)	(108,943,828,490)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		8,621,206,558	7,967,705,266
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5,981,177,965	15,764,242,460
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(491,970,865)	35,799,950
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		14,110,413,658	23,767,747,676

Ngày tháng năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc,
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC


Huỳnh Thị Kim Thoa


Trần Minh Cảnh



Nguyễn Duy Nhứt

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán và chăn nuôi cá; sản xuất và in bao bì giấy các loại; chế biến và bảo quản thủy sản; sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi; sản xuất và chế biến dầu cá bột cá.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** 12 tháng.
- Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	Khu CN Thốt Nốt – P. Thới Thuận, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	100%	100%
Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông	Số 16, lô E5, Xẻo Trôm, Đồng Thịnh 6, P. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	90,91%	90,91%

Danh sách công ty liên doanh, liên kết

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem	Xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	40,5%	40,5%
Công ty Cổ phần Rau Quả Nông Trại Xanh- FFCO	Khu CN Thốt Nốt – P. Thới Thuận, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	44.44%	44.44%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần nam Việt được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Chế độ kế toán ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, ghi nhận theo từng hóa đơn và ghi chép cho từng lần thanh toán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên. Mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng được đánh giá là khó có khả năng thu hồi thì căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

4. Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02- 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
-----------------------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Máy móc và thiết bị	05 - 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

14. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

Ngày 01/01/2015 công ty đã thực hiện việc chuyển đổi số dư các tài khoản theo quy định của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

*Đơn vị tính: Đồng***1. Tiền**

	30/06/2015	01/01/2015
Tiền mặt	2,001,189,680	223,018,115
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3,179,423,978	5,758,159,850
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	5,180,613,658	5,981,177,965

2. Các khoản đầu tư tài chính*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty con	39,499,104,000	39,350,593,178	148,510,822	39,499,104,000	38,812,621,171	686,482,829
+ Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	36,000,000,000	36,000,000,000	-	36,000,000,000	36,000,000,000	-
+ Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	3,499,104,000	3,350,593,178	148,510,822	3,499,104,000	2,812,621,171	686,482,829
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	613,400,000,000	612,900,000,000	-	517,355,000,000	517,355,000,000	-
+ Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	612,900,000,000	612,900,000,000	-	517,355,000,000	517,355,000,000	-
+ Công ty cổ phần rau Quả Nông trại xanh -FFCO	500,000,000	500,000,000	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	215,325,000,000	201,218,055,902	14,106,944,098	221,023,000,000	207,888,163,696	13,134,836,304
+ Ngân hàng TMCP phát triển Mê Kông	135,000,000,000	135,000,000,000	-	135,000,000,000	135,000,000,000	-
+ Công ty CP Bảo Hiểm Hàng Không	43,200,000,000	43,200,000,000	-	43,200,000,000	43,200,000,000	-
+ Quỹ đầu tư chứng khoán Y Tế Bản Việt	5,821,000,000	5,821,000,000	-	11,519,000,000	11,519,000,000	-
+ Công ty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20,304,000,000	17,197,055,902	3,106,944,098	20,304,000,000	18,400,550,145	1,903,449,855
+ Công ty CP Cromit Nam Việt	11,000,000,000	-	11,000,000,000	11,000,000,000	(231,386,449)	11,231,386,449
Cộng	868,224,104,000	853,468,649,080	14,255,454,920	777,877,104,000	764,055,784,867	13,821,319,133

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5704000012 ngày 26 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương là 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 521022000154 chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 10 năm 2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH thủy sản Biển Đông là 4.824.000.000 VND, tương đương 90,91% vốn điều lệ.

3. Phải thu của khách hàng

	30/06/2015	01/01/2015
Các khách hàng nước ngoài	247,071,964,232	381,760,712,617
Các khách hàng trong nước	2,868,163,650	3,507,948,313
Các khách hàng là công ty có liên quan	11,105,783,714	45,491,835,997
Cộng	261,045,911,596	430,760,496,927

4. Phải Thu khác

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	120,822,858,104	149,964,015	176,396,377,557	939,926,772
- Phải thu về cổ phần hóa				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia				
- Phải thu người lao động	3,149,039,359		8,449,666,499	
- Ký quỹ, ký cược	114,292,149,301		153,614,979,360	
- Cho mượn			1,019,385	
- Các khoản chi hộ	7,534,351		362,841,545	
- Phải thu khác	3,374,135,093	149,964,015	13,967,870,768	939,926,772
b) Dài hạn	11,819,543,698	-	7,028,848,533	-
- Ký quỹ, ký cược	11,819,543,698		7,028,848,533	
Cộng	132,642,401,802	149,964,015	183,425,226,090	939,926,772

5. Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng tồn kho				
- Phi mủ (cái)	-	-	5	1,520,138
- Bã đậu nành (Kg)	-	-	840	12,091,426
Cộng		-		13,611,564

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

6. Hàng tồn kho

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	4,134,635,791		107,909,512,703	
- Nguyên liệu, vật liệu	52,327,634,156		79,778,476,063	
- Công cụ, dụng cụ	2,062,508,087		2,472,831,100	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	646,936,128,512		565,581,035,975	
- Thành phẩm	508,529,741,106	737,886,877	365,611,590,753	1,182,010,022
- Hàng hóa	283,735,548		194,103,548	
- Hàng gửi đi bán	13,608,048,742		24,571,808,483	
- Hàng hóa kho bảo thuế				
Cộng	1,227,882,431,942	737,886,877	1,146,119,358,625	1,182,010,022

7. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- <i>Mua sắm</i>			-	-
- <i>XDCB</i>	<i>221,825,174,217</i>	<i>221,825,174,217</i>	<i>164,723,102,303</i>	<i>164,723,102,303</i>
+ Dự án các khu nuôi trồng thủy sản	141,131,225,477	141,131,225,477	94,066,112,837	94,066,112,837
+ Dự án đất nhà máy đông lạnh	52,240,097,398	52,240,097,398	33,523,153,290	33,523,153,290
+ Chi phí xây dựng cơ bản vùng nuôi	21,074,937,182	21,074,937,182	30,776,380,397	30,776,380,397
+ Chi phí khác	7,378,914,160	7,378,914,160	6,357,455,779	6,357,455,779
- <i>Sửa chữa</i>	-	-	-	21,191,617
Cộng	221,825,174,217	221,825,174,217	164,723,102,303	164,744,293,920

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư 01/01/2015	137,026,943,745	241,970,162,591	19,512,796,323	7,510,551,611	406,020,454,270
- Mua trong năm	42,829,732	2,972,619,636	-	-	3,015,449,368
- Đầu tư XDCB hoàn thành	372,931,884	200,000,000	-	-	572,931,884
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	77,117,423	-	217,950,000	-	295,067,423
Số dư 30/06/2015	137,365,587,938	245,142,782,227	19,294,846,323	7,510,551,611	409,313,768,099
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư 01/01/2015	77,560,877,473	150,108,177,482	14,413,473,882	6,399,854,849	248,482,383,686
- Khấu hao trong năm	3,897,130,915	12,299,394,817	590,207,692	257,634,882	17,044,368,306
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	2,279,330	-	217,950,000	-	220,229,330
Số dư 30/06/2015	81,455,729,058	162,407,572,299	14,785,731,574	6,657,489,731	265,306,522,662
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2015	59,466,066,272	91,861,985,109	5,099,322,441	1,110,696,762	157,538,070,584
- Tại ngày 30/06/2015	55,909,858,880	82,735,209,928	4,509,114,749	853,061,880	144,007,245,437

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư 01/01/2015	116,673,761,675	361,998,100	117,035,759,775
- Mua trong năm	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Tăng khác	8,934,887,360	-	8,934,887,360
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư 30/06/2015	125,608,649,035	361,998,100	125,970,647,135
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư 01/01/2015	569,697,155	315,210,100	884,907,255
- Khấu hao trong năm	115,870,608	23,394,000	139,264,608
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư 30/06/2015	685,567,763	338,604,100	1,024,171,863
Giá trị còn lại			
- Tại ngày 01/01/2015	116,104,064,520	46,788,000	116,150,852,520
- Tại ngày 30/06/2015	124,923,081,272	23,394,000	124,946,475,272

10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư 01/01/2015	82,631,825,829	3,725,952,000	86,357,777,829
- Thuê tài chính trong năm	22,459,596,859	1,680,000,000	24,139,596,859
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư 30/06/2015	105,091,422,688	5,405,952,000	110,497,374,688
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư 01/01/2015	19,821,226,943	382,851,791	20,204,078,734
- Khấu hao trong năm	6,261,389,570	427,162,664	6,688,552,234
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư 30/06/2015	26,082,616,513	810,014,455	26,892,630,968
Giá trị còn lại			
- Tại ngày 01/01/2015	62,810,598,886	3,343,100,209	66,153,699,095
- Tại ngày 30/06/2015	79,008,806,175	4,595,937,545	83,604,743,720

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

11. Chi phí trả trước

	30/06/2015	01/01/2015
a) Ngắn hạn	3,515,861,302	5,782,508,084
- Tiền thuê đất	897,276,287	760,824,167
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2,396,879,693	5,000,250,585
- Các khoản khác	221,705,322	21,433,332
b) Dài hạn	56,562,523,077	62,110,890,369
- Chi phí đất chờ phân bổ	34,239,733,946	36,726,641,147
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1,902,776,495	4,070,757,975
- Chi phí vào vùng nuôi	15,659,159,100	18,561,810,106
- Các khoản khác	4,760,853,536	2,751,681,141
Cộng	60,078,384,379	67,893,398,453

12. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1,296,586,174,486	1,296,586,174,486	2,091,435,466,463	2,126,317,368,306	1,331,468,076,329	1,331,468,076,329
- NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	383,621,368,888	383,621,368,888	754,952,169,204	788,261,402,396	416,930,602,080	416,930,602,080
- NH TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	29,982,191,087	29,982,191,087	43,071,057,252	29,858,866,165	16,770,000,000	16,770,000,000
- NH Phát Triển Việt Nam	-	-	20,600,000,000	125,200,000,000	104,600,000,000	104,600,000,000
- NH TMCP Sài Gòn Hà Nội	79,699,800,000	79,699,800,000	199,995,150,000	295,328,829,000	175,033,479,000	175,033,479,000
- NH TMCP Tiên Phong	150,827,380,050	150,827,380,050	543,651,927,026	417,436,489,534	24,611,942,558	24,611,942,558
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam	296,279,346,902	296,279,346,902	316,667,137,856	293,531,069,677	273,143,278,723	273,143,278,723
- NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	102,350,706,175	102,350,706,175	136,408,325,125	156,745,370,534	122,687,751,584	122,687,751,584
- Bà Dương Thị Kim Hương	142,000,000,000	142,000,000,000	50,500,000,000	8,500,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000
- Ông Đoàn Tới	19,031,359,000	19,031,359,000	20,369,700,000	3,758,341,000	2,420,000,000	2,420,000,000
- Công ty TNHH Đại Tây Dương	85,694,022,384	85,694,022,384	5,220,000,000	7,697,000,000	88,171,022,384	88,171,022,384
- Công ty TNHH Thanh Thiên	7,100,000,000	7,100,000,000	-	-	7,100,000,000	7,100,000,000
b) Vay dài hạn	253,141,578,844	253,141,578,844	219,000,000,000	48,000,000,000	82,141,578,844	82,141,578,844
- NH TMCP Tiên Phong	132,000,000,000	132,000,000,000	180,000,000,000	48,000,000,000	-	-
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam	39,000,000,000	39,000,000,000	39,000,000,000	-	-	-
- Ông Đoàn Tới	82,141,578,844	82,141,578,844	-	-	82,141,578,844	82,141,578,844
Cộng	1,549,727,753,330	1,549,727,753,330	2,310,435,466,463	2,174,317,368,306	1,413,609,655,173	1,413,609,655,173
c) Các khoản nợ thuê tài chính	50,569,633,723	50,569,633,723	40,896,070,686	32,952,655,435	42,626,218,472	42,626,218,472
- Từ 1 năm trở xuống	25,638,783,678	25,638,783,678	19,142,720,402	12,971,424,753	19,467,488,029	19,467,488,029
- Từ 1 năm đến 5 năm	24,930,850,045	24,930,850,045	21,753,350,284	19,981,230,682	23,158,730,443	23,158,730,443
Cộng	1,600,297,387,053	1,600,297,387,053	2,351,331,537,149	2,207,270,023,741	1,456,235,873,645	1,456,235,873,645

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**13. Phải trả người bán**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	284,996,679,118	284,996,679,118	348,219,716,405	348,219,716,405
Các nhà cung cấp nước ngoài	84,151,919,520	84,151,919,520	166,378,929,721	166,378,929,721
Các nhà cung cấp trong nước	200,844,759,598	200,844,759,598	181,840,786,684	181,840,786,684
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Các nhà cung cấp là công ty có liên quan	14,267,874,724	14,267,874,724	1,944,042,214	1,944,042,214
Cộng	299,264,553,842	299,264,553,842	350,163,758,619	350,163,758,619

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2015
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu		6,973,241,376	6,973,241,376	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	23,060,363	600,770,045	623,830,408	-
- Thuế thu nhập cá nhân	1,183,539,844	1,953,387,088	1,003,975,545	2,132,951,387
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		2,950,037,147		2,950,037,147
- Thuế thu tài nguyên		16,811,250	16,811,250	-
- Thuế khác		4,000,000	4,000,000	-
Cộng	1,206,600,207	12,498,246,906	8,621,858,579	5,082,988,534

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Mỡ cá, thuế nhà	10%
- Cá nguyên liệu	5%
- Bột cá, thức ăn	không chịu thuế

Theo điều 5 khoản 5 thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 : Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho các đối tượng khác như hộ, cá nhân kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác thì phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo mức thuế suất 5%

Theo điều 1 khoản 2 thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 bổ sung các đối tượng sau vào đối tượng không chịu thuế:

Thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản và thức ăn cho vật nuôi khác, bao gồm các loại sản phẩm đã qua chế biến hoặc chưa qua chế biến như cám, bã, khô dầu các loại, bột cá, bột xương, bột tôm, các loại thức ăn khác dùng cho gia súc, gia cầm, thủy sản và vật nuôi khác, các chất phụ gia thức ăn chăn nuôi (như premix, hoạt chất và chất mang) theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 5/2/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi và khoản 2, khoản 3 Điều 1 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ chế biến, nuôi trồng thủy sản với thuế suất 15% theo nghị định số 12/2015/NĐ-CP có hiệu lực ngày 01/01/2015 (năm trước thuế suất 22%)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý được dự tính như sau:

	Quý này	Quý trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,440,169,526	14,907,159,045
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1,780,599,774	1,392,750,537
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	9,220,769,300	16,299,909,582
Thu nhập được miễn thuế	-	(2,304,803,550)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(6,926,829,035)
Thu nhập tính thuế	9,220,769,300	7,068,276,997
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất ưu đãi từ chế biến thủy sản	390,662,979	966,950,675
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ các hoạt động khác	1,455,596,877	136,826,616
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1,846,259,856	1,103,777,291
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1,846,259,856	1,103,777,291

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

15. Chi phí phải trả

	30/06/2015	01/01/2015
a) Ngắn hạn	5,652,722,467	7,275,010,906
- Lãi vay	1,016,966,396	1,208,165,015
- Cước tàu, vận chuyển	1,684,470,000	754,439,500
- Chi phí kiểm hàng	522,607,000	328,070,000
- Hoa hồng môi giới	1,676,313,080	4,819,575,455
- Chi phí tiền com	191,140,858	-
- Khác	561,225,133	164,760,936
b) Dài hạn	-	-
Cộng	5,652,722,467	7,275,010,906

16. Phải trả khác

	30/06/2015	01/01/2015
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	31,794,134	1,243,000
- Bảo hiểm xã hội	2,501,758,240	1,179,678,753
- Bảo hiểm y tế	279,319,055	211,623,426
- Bảo hiểm thất nghiệp	123,772,000	93,774,040
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	340,836,288	296,105,000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	59,971,935,895	26,395,263,874
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,014,798,990	3,745,812,515
Cộng	64,264,214,602	31,923,500,608

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối và các quỹ	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	660,000,000,000	611,965,459,100	(27,417,629,848)	58,304,490,154	1,302,852,319,406
- Tăng vốn trong năm trước					-
- Lãi trong năm trước				70,506,759,221	70,506,759,221
- Tăng khác					-
- Giảm vốn trong năm trước				(59,044,725,000)	(59,044,725,000)
- Lỗ trong năm trước					-
- Giảm khác				(8,000,000,000)	(8,000,000,000)
Số dư đầu năm nay	660,000,000,000	611,965,459,100	(27,417,629,848)	61,766,524,375	1,306,314,353,627
- Tăng vốn trong 6 tháng đầu năm					-
- Lãi trong 6 tháng đầu năm				20,281,113,610	20,281,113,610
- Tăng khác					-
- Giảm vốn trong 6 tháng đầu năm				(59,044,725,000)	(59,044,725,000)
- Lỗ trong 6 tháng đầu năm					-
- Giảm khác					-
Số dư ngày 30/06/2015	660,000,000,000	611,965,459,100	(27,417,629,848)	23,002,912,985	1,267,550,742,237

b. Cổ phiếu

	31/06/2015	01/01/2015
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66,000,000	66,000,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	66,000,000	66,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	66,000,000	66,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	394,750	394,750
+ Cổ phiếu phổ thông	394,750	394,750
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65,605,250	65,605,250
+ Cổ phiếu phổ thông	65,605,250	65,605,250
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II/2015	Quý II/2014
a) Doanh thu	520,343,577,439	513,710,335,523
- Doanh thu bán hàng hóa		
- Doanh thu bán thành phẩm	484,435,205,018	472,571,832,945
- Doanh thu bán phụ phẩm	31,538,284,394	25,391,691,048
- Doanh thu bán thành phẩm gelatin		13,422,959,877
- Doanh thu bán thức ăn	3,391,944,038	
- Doanh thu khác	978,143,989	2,323,851,653
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	45,160,952,855	70,976,336,825
- Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	45,032,684,199	70,976,336,825
- Công ty TNHH Đại Tây Dương	38,617,680	-
- Công ty cổ phần Rau Quả Nông Trại Xanh	89,650,976	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý II/2015	Quý II/2014
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán	566,982,176	122,126,300
- Hàng bán bị trả lại	6,670,463,930	1,655,359,889
Cộng	7,237,446,106	1,777,486,189

3. Giá vốn hàng bán

	Quý II/2015	Quý II/2014
- Giá vốn của hàng hóa đã bán		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	450,456,182,372	453,567,772,178
- Giá vốn của phụ phẩm đã bán	33,074,059,367	21,690,832,683
- Giá vốn của thành phẩm thức ăn	2,575,522,578	
- Giá vốn khác	3,682,948,953	14,626,189,262
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(444,123,145)	(933,306,286)
- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	(7,372,624,649)	(1,762,383,595)
Cộng	481,971,965,476	487,189,104,242

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II/2015	Quý II/2014
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9,213,115,763	417,978,531
- Cổ tức lợi nhuận được chia		1,720,000,000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	4,462,627,451	2,555,968,843
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	13,675,743,214	4,693,947,374

5. Chi phí tài chính

	Quý II/2015	Quý II/2014
- Lãi tiền vay	21,081,643,638	15,361,871,915
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	11,531,648,766	5,950,464,790
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	
- Chi phí tài chính khác	877,534,885	748,025,946
- Dự phòng đầu tư tài chính	665,522,236	2,456,343,873
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	-	
Cộng	34,156,349,525	24,516,706,524

6. Thu nhập khác

	Quý II/2015	Quý II/2014
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Lãi do đánh giá lại tài sản		
- Tiền phạt thu được		
- Thuế được giảm		
- Các khoản khác	6,203,616,203	2,481,943,966
Cộng	6,203,616,203	2,481,943,966

7. Chi phí khác

	Quý II/2015	Quý II/2014
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	427,926,745	
- Lỗ do đánh giá lại tài sản		
- Các khoản bị phạt		
- Các khoản khác	496,265,790	518,153,320
Cộng	924,192,535	518,153,320

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II/2015	Quý II/2014
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	14,793,841,501	31,605,946,172
- Khấu hao	204,752,582	202,695,512
- Chi phí xăng dầu	404,895,280	488,382,855
- Chi phí lương nhân viên	7,631,357,937	7,401,017,710
- Chi phí ngân hàng	483,457,739	999,523,900
- Chi phí tiếp khách	1,087,088,667	
- Các khoản chi phí QLDN khác	2,624,701,297	3,141,429,676
- Dự phòng phải thu khó đòi	2,357,587,999	19,372,896,519
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	38,207,489,305	35,729,601,972
- Cước tàu, vận chuyển	21,641,741,849	23,436,472,981
- Khấu hao		
- Chi phí lương nhân viên	917,139,031	690,427,250
- Chi phí kiểm hàng	2,156,083,808	2,036,062,400
- Chi phí bốc hàng	2,613,434,387	2,029,311,109
- Chi phí hoa hồng môi giới	5,989,873,788	3,471,197,844
- Chi phí ngân hàng	346,782,636	1,631,623,562
- Chi phí gian hàng hội chợ		
- Các khoản chi phí bán hàng khác	4,542,433,806	2,434,506,826

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý II/2015	Quý II/2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,269,855,519,138	1,267,703,350,951
- Chi phí nhân công	45,953,948,887	50,158,886,101
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	12,266,966,159	10,775,253,412
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	142,539,518,160	68,070,240,387
- Chi phí bằng tiền khác	3,624,665,139	3,226,246,482
Cộng	1,474,240,617,483	1,399,933,977,333

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	Công ty con
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	Công ty con
Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Rau quả Nông Trại Xanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cổ phần cromit Nam Việt	Công ty cùng chủ đầu tư
Triple T Corporation (USA)	Công ty do con của chủ tịch HĐQT thành lập tại Hoa Kỳ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Số phát sinh từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương		
Chia cổ tức	-	10,000,000,000
Bán thành phẩm, bao bì	142,901,457,710	118,964,397,625
Bán nguyên vật liệu	14,394,442	15,270,941
Lãi cho vay		69,705
Chi hộ	126,968,877	85,718,740
Cho mượn	-	2,148,750
Chi phí gia công	140,511,302,681	135,618,139,604
Mua vật tư, nguyên liệu	84,757,479	228,736,306
Mua thành phẩm đông lạnh	89,632,000	5,364,414,976
Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông		
Bán thành phẩm		
Cho vay	-	30,156,000,000
Chi hộ	802,004	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Lãi cho vay	-	75,044,736
Cho vay	-	1,868,000,000
Vay	5,220,000,000	107,456,963,881
Chi phí gia công		42,078,036
Chi hộ	-	1,476,627
Thu nhập từ thanh lý vật tư	42,479,448	7,020,000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Cromit Nam Việt

Cho vay	-	850,000,000
---------	---	-------------

Công ty cổ phần Rau Quả Nông Trại Xanh

Bán thành phẩm, bao bì	20,287,393	-
Thanh lý vật tư	78,328,680	-
Chi hộ	1,224,160	-

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Quý II/2015	Quý II/2014
Xuất khẩu	463,772,474,194	454,883,347,064
Trong nước	94,494,609,994	128,025,839,095
Cộng	558,267,084,188	582,909,186,159

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc ứng trước tiền hàng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không bị giảm giá	Đã quá hạn và/ hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản đương tiền	14,110,413,658				14,110,413,658
Phải thu khách hàng	222,173,902,724			38,872,008,872	261,045,911,596
Các khoản cho vay	62,550,005,000				62,550,005,000
Các khoản phải thu khác	128,136,795,568			244,996,212	128,381,791,780
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	184,021,000,000			31,304,000,000	215,325,000,000
Cộng	610,992,116,950	-	-	70,421,005,084	681,413,122,034
Số đầu năm					
Tiền và các khoản đương tiền	5,981,177,965				5,981,177,965
Phải thu khách hàng	324,665,880,422			106,094,616,505	430,760,496,927
Các khoản cho vay	67,821,062,000				67,821,062,000
Các khoản phải thu khác	173,571,190,971			1,224,311,876	174,795,502,847
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	189,719,000,000			31,304,000,000	221,023,000,000
Cộng	761,758,311,358	-	-	138,622,928,381	900,381,239,739

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	1,320,867,026,237	279,430,360,816		1,600,297,387,053
Phải trả người bán	249,894,698,462			249,894,698,462
Các khoản phải trả khác	66,980,293,640			66,980,293,640
Cộng	1,637,742,018,339	279,430,360,816	-	1,917,172,379,155
Số đầu năm				
Vay và nợ	1,350,935,564,358	105,300,309,287		1,456,235,873,645
Phải trả người bán	352,107,800,833			352,107,800,833
Các khoản phải trả khác	37,712,192,295			37,712,192,295
Cộng	1,740,755,557,486	105,300,309,287	-	1,846,055,866,773

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 06 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	EUR	CNY	USD	EUR	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	461,626.00	2,486.41		223,303.10	2,489.11	
Phải thu khách hàng	10,482,751.76	1,438.17	253,767.09	17,832,301.75		987,261.20
Các khoản cho vay				-		
Các khoản phải thu khác	305,813.24			206,272.94		
Phải trả người bán	(3,853,128.00)			(7,785,995.11)		
Vay và nợ	(19,823,352.03)			(31,661,169.17)		
(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(12,426,289.03)	3,924.58	253,767	(21,185,286.49)	2,489.11	987,261.20

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tình hình tỉ giá ngoại tệ không có biến động lớn trong quý II.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản đương tiền	14,110,413,658		5,981,177,965		14,110,413,658	5,981,177,965
Phải thu khách hàng	261,045,911,596	(20,905,457,501)	430,760,496,927	(87,172,230,689)	240,140,454,095	343,588,266,238
Các khoản cho vay	62,550,005,000		67,821,062,000		62,550,005,000	67,821,062,000
Các khoản phải thu khác	117,883,132,441	(149,964,015)	261,491,389,131	(856,076,393)	117,733,168,426	260,635,312,738
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	215,325,000,000	(14,255,454,920)	221,023,000,000	(13,971,319,133)	201,069,545,080	207,051,680,867
Cộng	670,914,462,695	(35,310,876,436)	987,077,126,023	(101,999,626,215)	635,603,586,259	885,077,499,808

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	1,600,297,387,053	1,456,235,873,645	1,600,297,387,053	1,374,094,294,801
Phải trả người bán	249,894,698,462	352,107,800,833	249,894,698,462	352,107,800,833
Các khoản phải trả khác	66,980,293,640	37,712,192,295	66,980,293,640	37,712,192,295
Cộng	1,917,172,379,155	1,846,055,866,773	1,917,172,379,155	1,763,914,287,929

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.


Huỳnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu


Trần Minh Cảnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

An Giang, ngày

tháng

năm 2015




Nguyễn Duy Nhứt

Số : 17.82...../CV-KTTC

Long Xuyên, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận
Công ty mẹ quý II/2015 so cùng kỳ"

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ như sau:

- Lợi nhuận trước thuế quý II/2015: 8,092,605,263 đồng

- Lợi nhuận trước thuế quý II/2014: 10,525,565,269 đồng

Giảm 2,432,960,006 đồng tương đương giảm 23%.

Nguyên nhân chủ yếu:

- Doanh thu thuần quý II/2015 giảm 4% so với quý II/2014.

- Giá vốn hàng bán quý II/2015 giảm 1% và chi phí bán hàng tăng 7% so với cùng kỳ.

Công ty xin giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên

- Ban TGD

- Lưu VT

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Nhật